

THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ I

Năm học :	Năm học: 2025-2026
Trường :	Trường Tiểu học Quài Càng

	Sĩ số	Tổng số KQĐG	Lớp 1				Lớp 2				Lớp 3				Lớp 4				Lớp 5							
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số						
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc		KT	Nữ	Dân tộc		Nữ dân tộc	KT	Nữ		Dân tộc	Nữ dân tộc	KT		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	KT			
I. Kết quả học tập																										
1. Tiếng Việt	446	440	87	38	83	36		74	30	69	26		78	42	74	39		97	44	94	42	1	104	46	102	45
Hoàn thành tốt		163	47	24	43	22		22	13	19	10		37	19	35	17		18	14	16	12	1	39	26	38	25
Hoàn thành		263	40	14	40	14		49	17	47	16		38	22	36	21		75	30	74	30		61	20	60	20
Chưa hoàn thành		14						3		3			3	1	3	1		4		4			4		4	
2. Toán	446	440	87	38	83	36		74	30	69	26		78	42	74	39		97	44	94	42	1	104	46	102	45
Hoàn thành tốt		191	56	26	54	25		43	23	38	19		35	19	33	17		25	11	24	10	1	32	22	31	21
Hoàn thành		231	30	12	28	11		31	7	31	7		42	22	40	21		58	29	56	28		70	23	69	23
Chưa hoàn thành		18	1		1								1	1	1	1		14	4	14	4		2	1	2	1
3. Đạo đức	446	440	87	38	83	36		74	30	69	26		78	42	74	39		97	44	94	42	1	104	46	102	45
Hoàn thành tốt		252	57	29	53	27		48	22	43	18		42	20	40	18		42	25	40	23	1	63	34	62	33
Hoàn thành		187	30	9	30	9		25	8	25	8		36	22	34	21		55	19	54	19		41	12	40	12
Chưa hoàn thành		1						1		1																
4. Tự nhiên và Xã hội	244	239	87	38	83	36		74	30	69	26		78	42	74	39										
Hoàn thành tốt		145	55	27	51	25		49	23	44	19		41	21	39	19										
Hoàn thành		94	32	11	32	11		25	7	25	7		37	21	35	20										
Chưa hoàn thành																										
5. Khoa học	202	201																97	44	94	42	1	104	46	102	45
Hoàn thành tốt		73																28	14	26	13		45	27	44	26
Hoàn thành		119																67	30	66	29	1	52	17	51	17
Chưa hoàn thành		9																2		2			7	2	7	2
6. LS&ĐL	202	201																97	44	94	42	1	104	46	102	45
Hoàn thành tốt		71																27	18	25	16	1	44	28	43	27
Hoàn thành		116																57	21	56	21		59	18	58	18
Chưa hoàn thành		14																13	5	13	5		1		1	
7. Nghệ thuật (Âm nh	446	440	87	38	83	36		74	30	69	26		78	42	74	39		97	44	94	42	1	104	46	102	45
Hoàn thành tốt		232	51	25	47	23		39	18	34	14		38	18	36	16		46	28	44	26	1	58	27	57	26

Hoàn thành		208	36	13	36	13		35	12	35	12		40	24	38	23		51	16	50	16		46	19	45	19	
Chưa hoàn thành																											
8. Nghệ thuật (Mĩ thu	446	440	87	38	83	36		74	30	69	26		78	42	74	39		97	44	94	42	1	104	46	102	45	
Hoàn thành tốt		226	50	25	47	24		41	21	37	17		39	19	37	17		44	28	42	26		52	26	51	25	
Hoàn thành		214	37	13	36	12		33	9	32	9		39	23	37	22		53	16	52	16	1	52	20	51	20	
Chưa hoàn thành																											
9. Hoạt động trải nghi	446	440	87	38	83	36		74	30	69	26		78	42	74	39		97	44	94	42	1	104	46	102	45	
Hoàn thành tốt		256	56	29	52	27		45	21	40	17		44	24	42	22		48	29	46	27	1	63	31	62	30	
Hoàn thành		182	31	9	31	9		28	9	28	9		33	18	31	17		49	15	48	15		41	15	40	15	
Chưa hoàn thành		2						1		1			1		1												
10. Giáo dục thể chất	446	440	87	38	83	36		74	30	69	26		78	42	74	39		97	44	94	42	1	104	46	102	45	
Hoàn thành tốt		236	51	25	47	23		41	19	36	15		40	20	38	18		49	29	47	27	1	55	29	54	28	
Hoàn thành		204	36	13	36	13		33	11	33	11		38	22	36	21		48	15	47	15		49	17	48	17	
Chưa hoàn thành																											
11. TH-CN (Công ngh	283	279											78	42	74	39		97	44	94	42	1	104	46	102	45	
Hoàn thành tốt		145											36	20	35	19		58	30	55	28	1	51	26	50	25	
Hoàn thành		133											41	21	38	19		39	14	39	14		53	20	52	20	
Chưa hoàn thành		1											1	1	1	1											
12. TH-CN (Tin học)	283	279											78	42	74	39		97	44	94	42	1	104	46	102	45	
Hoàn thành tốt		115											36	20	35	19		35	22	32	20		44	23	43	22	
Hoàn thành		163											41	21	38	19		62	22	62	22	1	60	23	59	23	
Chưa hoàn thành		1											1	1	1	1											
13. Ngoại ngữ	446	279											78	42	74	39		97	44	94	42	1	104	46	102	45	
Hoàn thành tốt		122											42	21	40	19		31	20	28	18		49	28	48	27	
Hoàn thành		155											35	20	33	19		65	24	65	24	1	55	18	54	18	
Chưa hoàn thành		2											1	1	1	1		1		1							
14. Tiếng dân tộc	446																										
Hoàn thành tốt																											
Hoàn thành																											
Chưa hoàn thành																											
II. Năng lực cốt lõi																											
Năng lực chung																											
Tự chủ và tự học	446	440	87	38	83	36		74	30	69	26		78	42	74	39		97	44	94	42	1	104	46	102	45	
Tốt		211	52	26	48	24		35	17	30	13		39	20	37	18		45	23	42	21	1	40	22	39	21	
Đạt		223	35	12	35	12		38	13	38	13		38	21	36	20		50	20	50	20		62	23	61	23	

Cần cố gắng		6						1		1			1	1	1	1		2	1	2	1		2	1	2	1	
<i>Giao tiếp và hợp tác</i>	446	440	87	38	83	36		74	30	69	26		78	42	74	39		97	44	94	42	1	104	46	102	45	
Tốt		205	52	26	48	24		31	17	27	14		40	19	38	17		39	20	37	18	1	43	22	42	21	
Đạt		231	35	12	35	12		42	13	41	12		37	22	35	21		56	23	55	23		61	24	60	24	
Cần cố gắng		4						1		1			1	1	1	1		2	1	2	1						
<i>Giải quyết vấn đề và s</i>	446	440	87	38	83	36		74	30	69	26		78	42	74	39		97	44	94	42	1	104	46	102	45	
Tốt		188	53	26	49	24		24	13	20	10		37	18	35	16		36	19	34	17	1	38	21	37	20	
Đạt		248	34	12	34	12		49	17	48	16		40	23	38	22		59	24	58	24		66	25	65	25	
Cần cố gắng		4						1		1			1	1	1	1		2	1	2	1						
<i>Năng lực đặc thù</i>																											
<i>Ngôn ngữ</i>	446	440	87	38	83	36		74	30	69	26		78	42	74	39		97	44	94	42	1	104	46	102	45	
Tốt		187	54	27	50	25		29	15	25	12		34	18	32	16		31	18	29	16	1	39	24	38	23	
Đạt		242	33	11	33	11		42	15	41	14		41	23	39	22		65	26	64	26		61	22	60	22	
Cần cố gắng		11						3		3			3	1	3	1		1		1			4		4		
<i>Tính toán</i>	446	440	87	38	83	36		74	30	69	26		78	42	74	39		97	44	94	42	1	104	46	102	45	
Tốt		196	57	27	53	25		43	23	39	19		35	17	33	15		31	15	29	13	1	30	21	29	20	
Đạt		228	29	11	29	11		31	7	30	7		42	24	40	23		54	27	53	27		72	24	71	24	
Cần cố gắng		16	1		1								1	1	1	1		12	2	12	2		2	1	2	1	
<i>Tin học</i>	283	279											78	42	74	39		97	44	94	42	1	104	46	102	45	
Tốt		124											36	20	35	19		44	24	41	22	1	44	23	43	22	
Đạt		154											41	21	38	19		53	20	53	20		60	23	59	23	
Cần cố gắng		1											1	1	1	1											
<i>Công nghệ</i>	283	279											78	42	74	39		97	44	94	42	1	104	46	102	45	
Tốt		136											36	20	35	19		49	27	46	25	1	51	26	50	25	
Đạt		142											41	21	38	19		48	17	48	17		53	20	52	20	
Cần cố gắng		1											1	1	1	1											
<i>Khoa học</i>	446	440	87	38	83	36		74	30	69	26		78	42	74	39		97	44	94	42	1	104	46	102	45	
Tốt		211	54	27	50	25		40	18	35	14		38	19	36	17		39	18	36	16	1	40	25	39	24	
Đạt		217	33	11	33	11		32	12	32	12		39	22	37	21		57	26	57	26		56	19	55	19	
Cần cố gắng		12						2		2			1	1	1	1		1		1			8	2	8	2	
<i>Thẩm mĩ</i>	446	440	87	38	83	36		74	30	69	26		78	42	74	39		97	44	94	42	1	104	46	102	45	
Tốt		206	51	25	48	24		35	19	31	15		39	19	37	17		34	18	32	16	1	47	24	46	23	
Đạt		231	36	13	35	12		37	11	36	11		38	23	36	22		63	26	62	26		57	22	56	22	
Cần cố gắng		3						2		2			1		1												
<i>Thể chất</i>	446	440	87	38	83	36		74	30	69	26		78	42	74	39		97	44	94	42	1	104	46	102	45	

Tốt		222	51	25	47	23		36	17	31	13		40	20	38	18		44	24	42	22	1	51	27	50	26	
Đạt		218	36	13	36	13		38	13	38	13		38	22	36	21		53	20	52	20		53	19	52	19	
Cần cố gắng																											
III. Phẩm chất chủ yếu																											
Yêu nước	446	440	87	38	83	36		74	30	69	26		78	42	74	39		97	44	94	42	1	104	46	102	45	
Tốt		317	71	33	67	31		59	27	54	23		54	30	51	28		66	27	63	25	1	67	35	66	34	
Đạt		123	16	5	16	5		15	3	15	3		24	12	23	11		31	17	31	17		37	11	36	11	
Cần cố gắng																											
Nhân ái	446	440	87	38	83	36		74	30	69	26		78	42	74	39		97	44	94	42	1	104	46	102	45	
Tốt		306	69	33	65	31		57	26	52	22		52	29	49	27		62	29	59	27	1	66	36	65	35	
Đạt		134	18	5	18	5		17	4	17	4		26	13	25	12		35	15	35	15		38	10	37	10	
Cần cố gắng																											
Chăm chỉ	446	440	87	38	83	36		74	30	69	26		78	42	74	39		97	44	94	42	1	104	46	102	45	
Tốt		245	53	27	49	25		43	18	39	15		49	28	47	26		48	24	46	22	1	52	29	51	28	
Đạt		194	34	11	34	11		30	12	29	11		29	14	27	13		49	20	48	20		52	17	51	17	
Cần cố gắng		1						1		1																	
Trung thực	446	440	87	38	83	36		74	30	69	26		78	42	74	39		97	44	94	42	1	104	46	102	45	
Tốt		287	59	28	55	26		51	22	47	19		54	30	51	28		60	26	57	24	1	63	32	62	31	
Đạt		153	28	10	28	10		23	8	22	7		24	12	23	11		37	18	37	18		41	14	40	14	
Cần cố gắng																											
Trách nhiệm	446	440	87	38	83	36		74	30	69	26		78	42	74	39		97	44	94	42	1	104	46	102	45	
Tốt		265	54	28	50	26		46	22	41	18		54	29	51	27		53	27	51	25	1	58	31	57	30	
Đạt		174	33	10	33	10		27	8	27	8		24	13	23	12		44	17	43	17		46	15	45	15	
Cần cố gắng		1						1		1																	
IV. HS.K. Tật		7	1		1		1	1	1	1	1	1	3	1	3	1	3	1		1		1	1		1		1

Quài Cang, ngày 31 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hồng